TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2017/DS-ST Ngày: 17-10-2017 *"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mý

2. Bà Nguyễn Thị Lan

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thái Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà***: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên;

Trong ngày 17 tháng 10 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1; Địa chỉ nơi cư trú: Làng O, xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn T và bà Đặng Thị X; Địa chỉ nơi cư trú: Làng O, xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện ngày 25-4-2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Đỗ Văn L và Nguyễn Thị L1 trình bày:

Ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1 có cho ông Lê Văn T và bà Đặng Thị X vay tiền 09 lần, cụ thể các lần vay tiền như sau:

- Lần 1: Ngày 08-9-2016, ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1 có cho ông Lê Văn T và bà Đặng Thị Xn vay số tiền 40.000.000 đồng, không thỏa thuận tiền lãi, hai bên có lập "Giấy thế chấp vay tiền", ông T và bà X hẹn đến ngày 08-10-2016 trả đủ tiền gốc.

- Lần 2: Ngày 22-9-2016, ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1 có cho ông Lê Văn T và bà Đặng Thị X vay số tiền 4.000.000 đồng, không thỏa thuận tiền lãi, hai bên có lập "Giấy mượn tiền", ông T và bà X hẹn đến ngày 22-10-2016 trả đủ tiền gốc.

- Lần 3: Ngày 27-9-2016, ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1 có cho ông Lê Văn T và bà Đặng Thị X vay số tiền 11.000.000 đồng, không thỏa thuận tiền lãi, hai bên có lập "Giấy mượn tiền", ông T và bà X hẹn đến ngày 27-10-2016 trả đủ tiền gốc. Tuy nhiên, trong giấy mượn tiền khi viết có sai sót về chữ số, nên có ghi nhầm là "13.000.000", thực ra số tiền vay là 11.000.000 đồng.

- Lần 4: Ngày 14-10-2016, ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1 có cho ông Lê Văn T và bà Đặng Thị X vay số tiền 5.000.000 đồng, không thỏa thuận tiền lãi, hai bên có lập "Giấy mượn tiền", ông T và bà X hẹn đến ngày 14-11-2016 trả đủ tiền gốc.

- Lần 5: Ngày 18-10-2016, ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1 có cho ông Lê Văn T và bà Đặng Thị X vay số tiền 7.000.000 đồng, không thỏa thuận tiền lãi, hai bên có lập "Giấy mượn tiền", ông T và bà X hẹn đến ngày 18-11-2016 trả đủ tiền gốc.

- Lần 6: Tháng 10 năm 2016, ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1 có cho ông Lê Văn T và bà Đặng Thị X vay số tiền 5.000.000 đồng, không thỏa thuận tiền lãi, hai bên có lập "Giấy mượn tiền", ông T và bà X hẹn đến tháng 11 năm 2016 trả đủ tiền gốc.

- Lần 7: Ngày 17-12-2016, ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1 có cho ông Lê Văn T và bà Đặng Thị X vay số tiền 6.000.000 đồng, không thỏa thuận tiền lãi, hai bên có lập "Giấy mượn tiền", ông T và bà X hẹn đến ngày 17-01-2017 trả đủ tiền gốc.

- Lần 8: Ngày 22-12-2016, ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1 có cho ông Lê Văn T và bà Đặng Thị X vay số tiền 100.000.000 đồng, không thỏa thuận tiền lãi, hai bên có lập "Giấy vay tiền", ông T và bà X hẹn đến ngày 22-02-2017 (Âm lịch) trả đủ tiền gốc.

- Lần 9: Ngày 07-01-2017, ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1 có cho ông Lê Văn T và bà Đặng Thị X vay số tiền 6.280.000 đồng, không thỏa thuận tiền lãi, hai bên có lập "Giấy mượn tiền", ông T và bà X hẹn đến ngày 07-02-2017 trả đủ tiền gốc. Tuy nhiên, trong giấy mượn tiền khi ghi thì có sự nhầm lẫn là "Sáu triệu đồng", thực tế số tiền vay là 6.280.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông Lê Văn T và bà Đặng Thị X vay của ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1 là 184.280.000 đồng. Các khoản nợ này đều đã quá thời hạn trả nợ. Do vậy, ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1 yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn T và bà Đặng Thị X phải trả số cho họ toàn bộ số tiền nợ nêu trên và không yêu cầu tiền lãi.

Đối với lần vay tiền ngày 07-01-2017, thì chỉ có bà Đặng Thị X là người viết, ký và ghi họ tên vào "Giấy vay tiền". Đối với các lần vay tiền còn lại, thì đều do ông T và bà X cùng vay, tự ký và viết tên.

2. Tòa án đã thực tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn Lê Văn T và Đặng

Thị X đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng ông T và bà X cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của ông Lê Văn T và bà Đặng Thị X.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Bản gốc đơn khởi kiện ngày 25-4-2017 của ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1; bản sao chứng minh nhân dân của của ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1; bản sao sổ hộ khẩu của ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1; bản gốc các tài liệu, chứng cứ gồm: "Giấy thế chấp vay tiền" đề ngày 08-9-2016; bản gốc "Giấy mượn tiền" đề ngày 22-9-2016; bản gốc "Giấy mượn tiền" đề ngày 27-9-2016; bản gốc "Giấy mượn tiền" không thể hiện ngày, chỉ thể hiện tháng 10-2016; bản gốc "Giấy mượn tiền" đề ngày 14-10-2016; bản gốc "Giấy mượn tiền" đề ngày 18-10-2016; bản gốc "Giấy mượn tiền" đề ngày 17-12-2016; bản gốc "Giấy vay tiền" đề ngày 22-12-2016, giấy này có 02 mặt, mặt sau ông L, bà L1 cho rằng không liên quan đến việc giải quyết vụ án nêu trên; bản gốc "Giấy mượn tiền" để ngày 07-01-2017; bản gốc giấy viết tay có chữ ký và viết tên "Đặng Thị X"; Biên bản xác minh ngày 23-6-2017 của Tòa án nhân dân huyện G (bản gốc); Bản gốc biên bản lấy lời khai ngày 14-6-2017 của Tòa án nhân dân huyện G;

4. Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với bị đơn Lê Văn T và Đặng Thị X đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Các bên xác lập hợp đồng vay tiền trong năm 2016 và năm 2017 đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015, nên pháp luật áp dụng để giải quyết là Bộ luật Dân sự năm 2015. Vụ án được thụ lý ngày 24-5-2017, nên pháp luật tố tụng được áp dụng để giải quyết là Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn Lê Văn T và Đặng Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

[2] Về số tiền vay: Tại các chứng cứ mà ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1 cung cấp đã thể hiện, trong năm 2016 và năm 2017, ông Lê Văn T và bà Đặng Thị X có vay của ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1 09 lần với tổng số tiền vay là 184.280.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng). Cụ thể như sau: Lần 1, vào ngày 08-9-2016, ông T và bà X vay số tiền 40.000.000 đồng, ông T và bà X hẹn đến ngày 08-10-2016 trả đủ tiền gốc. Lần 2, vào ngày 22-9-2016, ông T và bà X vay số tiền 4.000.000 đồng, ông T và bà X hẹn đến ngày 22-10-2016 trả đủ tiền gốc. Lần 3, vào ngày 27-9-2016, ông T và bà X vay số tiền 11.000.000 đồng, ông T và bà X hẹn đến ngày 27-10-2016 trả đủ tiền gốc. Lần 4, vào ngày 14-10-2016, ông T và bà X vay số tiền 5.000.000 đồng, ông T và bà X hẹn đến ngày 14-11-2016 trả đủ tiền gốc. Lần 5, vào ngày 18-10-2016, ông T và bà Xvay số tiền 7.000.000 đồng, ông T và bà X hẹn đến ngày 18-11-2016 trả đủ tiền gốc. Lần 6, vào tháng 10-2016, ông T và bà X vay số tiền 5.000.000 đồng, ông T và bà X hẹn đến tháng 11-2016 trả đủ tiền gốc. Lần 7, vào ngày 17-12-2016, ông T và bà X vay số tiền 6.000.000 đồng, ông T và bà X hẹn đến ngày 17-01-2017 trả đủ tiền gốc. Lần 8, vào ngày 22-12-2016, ông T và bà X vay số tiền 100.000.000 đồng, ông T và bà X hẹn đến ngày 22-02-2017 (âm lịch) tức ngày 25-3-2017 trả đủ tiền gốc. Lần 9, vào ngày 07-01-2017, ông T và bà X vay số tiền 6.280.000 đồng, ông T và bà X hẹn đến ngày 07-02-2017 trả đủ tiền gốc. Các khoản nợ trên đều đã đến hạn trả nợ, ông T và bà X không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho ông L và bà L1. Do vậy, ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1 yêu cầu ông Lê Văn T và bà Đặng Thị X phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc 184.280.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về số tiền lãi: Nguyên đơn ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 357, Điều 466, Điều 470, Điều 486 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1.

Buộc ông Lê Văn T và bà Đặng Thị X phải liên đới trả cho ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1toàn bộ số tiền nợ là 184.280.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc ông Lê Văn T và bà Đặng Thị X phải liên đới toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.214.000 đồng (Chín triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng); ông Đỗ Văn Lơ và bà Nguyễn Thị Lự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Đỗ Văn L và bà Nguyễn Thị L1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.700.000 đồng (Năm triệu bảy trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000315 ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Lưu HSVA, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính